|  |  |
| --- | --- |
| Songda TC JSC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  .............🙠✪🙢...............  *Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013* |

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CTGT SÔNG ĐÀ NĂM 2012

* Tên Công ty : **Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà**
* Tên tiếng Anh : **Song Da Transportation Construction Jiont - Stock Company**
* Tên viết tắt : **Song Da TC JSC**
* Mã cổ phiếu : **SKS**
* Số lượng cổ phiếu lưu hành : **4.500.000 Cổ phần**
* **Trụ sở chính** : Nhà 8D, tầng 8 Toà nhà Sông Đà – Hà Đông.

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội.

* **Điện thoại :** 0485.887 906
* **Fax :** 0433.120 772
* **Email :** [***songda\_sks@yahoo.com***](mailto:songda_sks@yahoo.com)***.vn***
* **Website :** [***http://songdatc.com.vn***](http://songdatc.com.vn)

Phần I- TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**1- Tóm lược về Công ty:**

* + Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà tiền thân là Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Tân Trung thuộc Liên hiệp các xí nghiệp đá cát sỏi, được thành lập theo quyết định thành lập lại số 713/BXD-TCLĐ ngày 24 tháng 7 năm 1995 của Bộ Xây dựng.
  + Theo quyết định số 01TCT/TCLĐ ngày 13 tháng 7 năm 1996 của Hội đồng quản trị TCT xây dựng Sông Đà sáp nhập Chi nhánh Công ty xây dựng công trình Ngầm tại Vĩnh Phú thuộc Công ty XDCT Ngầm - TCT xây dựng Sông Đà vào Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu Tân Trung - Tổng công ty xây dựng Sông Đà;
  + Theo Quyết định số 914/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 8 năm 1996 của Bộ Xây dựng, đổi tên Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Tân Trung thành Công ty Xây dựng Sông Đà 14 - Tổng công ty Xây dựng Sông Đà;
  + Theo Quyết định số 11 TCT/TCLĐ ngày 03 tháng 01 năm 2000 của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà, toàn bộ Công ty Xây dựng Sông Đà 14 được sáp nhập vào Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà và thành lập Xí nghiệp Xây lắp Sản xuất kinh doanh Vật liệu Sông Đà 2.01, là bộ phận doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Công ty Xây dựng Sông Đà 2, theo quyết định số 12CT/TCLĐ ng ày 19/01/2000 của Tổng công ty xây dựng Sông Đà;
  + Theo Quyết định số 1731/QĐ-BXD ngày 25/12/2003 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Xí nghiệp Sông Đà 2.01 là bộ phận doanh nghiệp thuộc Công ty Sông Đà 2 - Tổng công ty Sông Đà được chuyển đổi thành Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà.
  + Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà chính thức được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 02 tháng 4 năm 2004 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20 tháng 2 năm 2012.
  + Ngày 17/4/2009, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội với mã chứng khoán là SKS theo Quyết định số 22/QĐ-TTGDHN ngày 21/01/2009 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**2- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

* *Khai thác chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông;*
* *Thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ;*
* *Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện;*
* *Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;*
* *Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV;*
* *Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình;*
* *Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát, tấm lợp;*
* *Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;*
* *Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất;*
* *Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình;*
* *Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;*
* *Sửa chữa xe máy, thiết bị;*
* *Đầu tư các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ;*
* *Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;*
* *Xây dựng công trình đường công ích;*
* *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;*
* *Kinh doanh bất động sản;*
* *Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;*
* *Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: sản xuất bê tông nhựa nóng;*
* *Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: bán buôn cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông hựa nóng;*
* *Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;*
* *Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ những mặt hàng NN cấm);*
* *Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình.*

**3- Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Mục tiêu và định hướng chiến lược của Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà trong giai đoạn tới là tiếp tục xây dựng Công ty phát triển ổn định, giữ vững Công ty luôn là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và ngành xây dựng. Là đơn vị đa ngành nghề, đa sở hữu, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

- Duy trì và phát triển song song ngành nghề truyền thống là xây lắp các công trình dân dụng, thuỷ điện, giao thông, công nghiệp và Sản xuất kinh doanh đá xây dựng ... Củng cố và phát triển mọi tiềm năng của đơn vị theo chủ trương của Tổng công ty Sông Đà nhằm lấy Công ty làm nòng cốt để phát triền ngành nghề xây dựng công trình giao thông.

- Tiếp tục đầu tư, mở rộng quy mô kinh doanh trong các lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản, đầu tư thuỷ điện vừa và nhỏ,... đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định, bền vững và có tiềm lực kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và trong khu vực.

- Thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích luỹ và tối đa hoá lợi tức đối với phần vốn góp của các cổ đông Công ty.

- Không ngừng nâng cao và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn kinh tế Sông Đà.

- Trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh những năm vừa qua, Công ty xây dựng kế hoạch giai đoạn năm 2011-2015; định hướng phát triển tới năm 2020 đảm bảo phát triển vững chắc, đạt mức tăng trưởng bình quân 10 - 20%/năm.

**3.1- Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn năm 2011 – 2015 và định hướng phát triển Công ty đến năm 2020:**

**3.1.1 - Kế hoạch 2012:**

* Tổng giá trị SXKD: 185 tỷ đồng
* Doanh thu: 177,2 tỷ đồng
* Nộp NSNN: 16 tỷ đồng
* Lợi nhuận trước thuế: 14,5 tỷ đồng
* Gía trị đầu tư: 13,8 tỷ đồng
* Sử dụng lao động bình quân năm: 420 người
* Thu nhập bình quân người/tháng: 4,8 triệu đồng
* Tỷ lệ chia cổ tức: 16%

**3.1.2 - Kế hoạch 5 năm (2011 – 2015):**

* Tổng giá trị SXKD: 1.185,5 tỷ đồng.
* Doanh thu: 1.076,8 tỷ đồng.
* Nộp NSNN: 114,0 tỷ đồng.
* Lợi nhuận trước thuế: 133,8 tỷ đồng.
* Gía trị đầu tư: 174,0 tỷ đồng.
* Sử dụng lao động bình quân hàng năm: 440 người đến 650 người.
* Thu nhập bình quân người/tháng: 4,5 triệu đồng đến 6,0 triệu đồng.
* Tỷ lệ chia cổ tức bình quân: 12% - 14%

**3.1.3 - Định hướng Công ty đến năm 2020:**

* Tổng giá trị SXKD: 500,0 tỷ đồng.
* Doanh thu: 436,3 tỷ đồng.
* Nộp NSNN: 86,9 tỷ đồng.
* Lợi nhuận trước thuế: 45,0 tỷ đồng.
* Tỷ lệ chia cổ tức: ≥ 12%

**3.2- Kế hoạch cơ cấu sản phẩm của Công ty trong giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020:**

**3.2.1- Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015:**

* Giá trị XL chiếm khoảng 50% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
* Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp khoảng 40% trong tổng giá trị SXKD.
* Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng khoảng 8% trong tổng giá trị SXKD.
* Giá trị kinh doanh khác khoảng 2% trong tổng giá trị SXKD.

**3.2.2- Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:**

* Giá trị XL chiếm khoảng 50% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
* Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp khoảng 36% trong tổng giá trị SXKD.
* Giá trị kinh doanh khác khoảng 14% trong tổng giá trị SXKD.

# Phần II- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đồng thời đã chỉ đạo cho Ban Tổng Giám đốc điều hành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
* Để tổ chức quản lý điều hành công ty, Hội đồng quản trị trong năm qua đã thường kỳ tiến hành họp mỗi quí một lần, tuỳ theo yêu cầu công việc Hội đồng quản trị còn tổ chức họp đột xuất để đáp ứng việc chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
* Trước sự biến động của nền kinh tế đất nước cùng với khủng hoảng tài chính thế giới kéo dài qua nhiều năm nên một số chỉ tiêu kinh tế tài chính không đạt được theo kế hoạch nhưng Công ty vẫn tập trung chỉ đạo quyết liệt và đã thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế chính được Đại hội cổ đông thông qua. Đảm bảo chi trả cổ tức cho các cổ đông theo dự kiến và có tích luỹ, phát triển, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và người lao động, đảm bảo đủ việc làm ổn định cho trên 400 CBCNV với thu nhập bình quân 4,86 triệu đồng/người/tháng đạt 101% kế hoạch; Hoàn thành các mục tiêu, tiến độ các công trình đường Quốc lộ 51 Biên Hoà, hạ tầng khu công nghiệp Chúc Sơn – Chương Mỹ - HN, bàn giao công trình dưa vào sử dụng. Quyết toán xong các công trình toà nhà hỗn hợp HH1 - 170 Đường La Thành - Hà Nội, hoàn thành mục tiêu tiến độ thi công các biệt thự song lập Dương Nội.
* Xem xét và thống nhất ban hành các quy chế, quy định đã được sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện, phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu quản lý của công ty.

1. **Một số chỉ tiêu tài chính thùc hiÖn trong n¨m 2012**:

* Tổng tài sản đến 31/12/2012 : 180,0 tỷ đồng
* Tổng giá trị SXKD thực hiện : 178,0 tỷ đồng, đạt 96,2% kế hoạch
* Doanh thu thuần : 151, tỷ đồng, đạt 85,3% kế hoạch
* Giá trị đầu tư thực hiện : 0,38 tỷ đồng, đạt 2,7% kế hoạch
* Lợi nhuận trước thuế : 9,25 tỷ đồng, đạt 63,8% kế hoạch
* Lợi nhuận sau thuế : 7,63 tỷ đồng
* Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 : 16%/năm

1. **Những thay đổi chủ yếu trong năm:**
   * Năm 2012 các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không có sự thay đổi gì.
2. **Các rủi ro lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh**
   * Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào:

Do đặc thù của một đơn vị xây lắp, tỷ trọng nguyên vật liệu trong chi phí là khá lớn. Trung bình trong xây lắp chiếm khoảng 70% và trong sản xuất công nghiệp chiếm từ 35% - 45% tổng chi phí. Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu trong nền kinh tế nước ta hiện nay chủ yếu là do nhập khẩu nên sự biến động giá thế giới có ảnh hưởng rất lớn đến giá cả nhiên liệu trong nước.

Đặc biệt trong thời gian vừa qua do suy thoái toàn cầu nên giá các loại nguyên vật liệu đầu vào như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ... liên tục tăng dẫn tới những biến động bất lợi cho việc sản xuất của doanh nghiệp. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này tới kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động; việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và việc tạo dựng mối quan hệ giữ uy tín, bền vững với các nhà cung cấp. Vì vậy, Công ty cũng đã hạn chế tối đa rủi ro này.

* + Rủi ro về tài chính:

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng 50% - 60% tổng tài sản của Công ty. Do đặc điểm của ngành xây lắp, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài nên công ty chưa thu hồi vốn được kịp thời để thanh toán cho khách hàng, do vậy cũng đã phải sử dụng vốn vay ngắn hạn để tài trợ cho các khoản phải thu và chi phí dở dang.

Để khắc phục những tồn tại trên Công ty đã thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả cao như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Công ty.

* + Lãi suất vay vốn khá cao do biến động suy thoái toàn cầu, ảnh hưởng trực tiếp làm tăng chi phí tài chính cho các doanh nghiệp, việc tiêu thụ các sản phẩm xây dựng cũng gặp nhiều khó khăn. Hiện nay Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro này thông qua nhiều biện pháp như: luôn tìm cách tối ưu hóa việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền và ký kết các hợp đồng vay vốn dài hạn nhằm đảm bảo ổn định lãi suất trong thời gian dài.

1. **Triển vọng và kế hoạch phát triển trong năm 2013 và các năm tiếp theo:**
   * **Về lĩnh vực xây lắp:** Công ty tiếp tục tham gia thi công hoàn thiện DA cải tạo nâng cấp công trình đường Quốc lộ 51 do Công ty CP phát triển đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu làm chủ đầu tư, đã ký và đang thực hiện thi công các gói thầu XL51-01; XL51-05; XL51-07. Thi công các dự án công trình giao thông do Tổng công ty Sông Đà làm Tổng thầu và Chủ đầu tư như: Toà nhà Quốc Hội, Đường Quốc lộ 3 đoạn Hà Nội – Thái Nguyên, đường Quốc lộ 6 đoạn Hà Đông – Xuân Mai. Ngoài ra công ty phát triển và tìm kiếm thi trường trong lĩnh vực xây dựng dân dụng như tham gia xây dựng biệt thự song lập thuộc KĐT Dương Nội – Hà Nội và dự án REVERSIDE ở quận Thủ Đức – HCM...
   * **Về lĩnh vực sản xuất vật liệu, công nghiệp**:

+ Tiếp tục đầu tư mở rộng khai thác chế biến đá xây dựng tại 2 mỏ đá Tân Trung, huyện Sông Lô và mỏ đá Trung Mầu, huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc nhằm phục vụ tiêu thụ cho các khu công nghiệp tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và đáp ứng nhu cầu vật liệu cho đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai đang triển khai.

+ Củng cố và mở rộng mỏ đá Trung Mầu thuộc tại địa bàn huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nhằm phục vụ tiêu thụ cho các khu công nghiệp, DA đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và khu vực lân cận.

* + **Về tổ chức, quản lý:**

+ Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, phân cấp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế.

+ Kiện toàn và củng cố tổ chức sản xuất từ các tổ, đội, phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty phù hợp với yêu cầu SXKD.

+ Nghiên cứu, phối hợp cùng Công ty CP Sông Đà 2 - Công ty mẹ - để đưa ra định hướng của Công ty phù hợp với định hướng của Tổng công ty Sông Đà.

+ Xây dựng chính sách, quy chế về thu hút và sử dụng cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật như: Tạo môi trường làm việc lành mạnh, cạnh tranh; có chính sách đãi ngộ hợp lý về tiền lương, thưởng, điều kiện làm việc cho người lao động…

**Phần III- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

1. **Báo cáo tình hình tài chính:**
   1. ***Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **Đơn vị tính** | **Năm 2012** |
| **1** | **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** |  |  |
|  | - Khả năng thanh toán tổng quát | Lần | 1,6 |
|  | - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1,32 |
|  | - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,19 |
| **2** | **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** |  |  |
|  | - Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn | % | 62,57 |
|  | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 37,43 |
| **3** | **Chỉ tiêu cơ cấu tài sản** |  |  |
|  | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 79,91 |
|  | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 20,09 |
| **4** | **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** |  |  |
|  | - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 5,13 |
|  | - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ thực góp | % | 16,9 |
|  | - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 4,24 |
| **5** | **Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000 đ/cp)** |  |  |
|  | - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần) | đồng | 1.695 |

* 1. ***Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:***

Trong năm 2012 kinh tế trong nước cũng có nhiều biến động, do đó các doanh nghiệp xây dựng trong nước đều gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trước những chính sách vĩ mô của Nhà nước đã giúp các doanh nghiệp dần tháo gỡ một phần khó khăn như chính sách giãn nợ thuế TNDN cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ...

* 1. ***Những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động*:**

*Tại thời điểm 31/12/2012 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)*

67.396.670.036

Nguồn vốn, quỹ

Số cổ phần đang lưu hành

Giá trị sổ sách =  *=* ***14.977 VN§/CP***

4.500.000

=

**4- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**

* Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 4.500.000 cổ phiếu.
* Tổng số cổ phiếu phổ thông : 4.500.000 cổ phiếu.
* Cổ tức chi trả năm 2012 : 10%/năm.

**5- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:**

***5.1- Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 23/02/2012:*** *Ngày giao dịch không hưởng quyền****,*** *chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ *(cổ phần)*** | **Tỷ lệ cổ phần năm giữ** |
| **1** | **Tổ chức**   * Trong nước * Nước ngoài | **2.343.099**  2.309.849  33.250 | 52,07%  51,33%  0,74% |
| **2** | **Cá nhân**   * Trong nước * Nước ngoài | **2.156.901**  2.105.801  51.100 | 47,93%  46,80%  1,13% |
|  | **Tổng cộng** | **4.500.000** | **100%** |

*Nguồn: TTLKCK Việt Nam*

***5.2- Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm ngày 15/3/2013:*** *Ngày giao dịch không hưởng quyền****,*** *chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ *(cổ phần)*** | **Tỷ lệ cổ phần năm giữ** |
| **1** | **Tổ chức**   * Trong nước * Nước ngoài | **2.183.676**  2.309.274  7.050 | **51,48%**  51,32%  0,16% |
| **2** | **Cá nhân**   * Trong nước * Nước ngoài | **2.183.676**  2.171.476  12.200 | **48,52%**  48,25%  0,27% |
|  | **Tổng cộng** | **4.500.000** | **100%** |

*Nguồn: TTLKCK Việt Nam*

**6- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12//2012**:

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Giá trị**  ***(Triệu đồng)*** | **So với năm 2011** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng tài sản | 180.054 | 120,2% |
| 2 | Nợ phải thu | 65.977 | 96,6% |
| 3 | Nợ phải trả | 112.657 | 138,7% |
| 4 | Nợ ngắn hạn (TCTD) | 40.927 | 231,8% |
| 5 | Nợ dài hạn (TCTD) | 3.291 | 73,7% |
| 6 | Vốn chủ sở hữu | 67.397 | 98,3% |
| *a* | *Vốn điều lệ* | *45.000* | *100%* |
| *b* | *Thặng dư vốn* | *6.849* | *100%* |
| *c* | *Vốn khác của chủ sở hữu* | *4.785* | *100%* |
| *d* | *Các quỹ* | *3.054* | *150,8%* |
| *e* | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* | *8.352* | *79,4%* |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VCSH | 13,7% | 70,9% |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 6,2% | 70,5% |

**7- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2012 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được các kết quả cụ thể như sau:

| **Số**  **TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch**  **(**106 đ) | **Thực hiện**  **(**106 đ) | **Tỷ lệ hoàn thành** | **So với TH năm 2011** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 185.000 | 178.000 | 96,2% | 101% |
| 2 | Doanh thu | 177.200 | 151.000 | 85,2% | 100% |
| 3 | Thực hiện đầu tư | 13.800 | 381 | 2,76% | 5,8% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 14.500 | 9.250 | 63,79% | 69,5% |
| 5 | Nộp Ngân sách Nhà nước | 16.000 | 13.200 | 82,5% | 82,5% |
| 6 | Thu nhập BQ/CBCNV/tháng | 4,8 | 4,86 | 100% | 105,6% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức/năm | 16% | 10% | 62,5% | 62,5% |

**8- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

* Đã hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần và Điều lệ tổ chức hoạt động mới của Công ty.
* Hội đồng quản trị đã ký kết phụ lục hợp đồng thuê Tổng Giám đốc điều hành.
* Trong năm 2012 mở rộng phát triển sản xuất đồng đều các mặt, cơ cấu cân bằng tỷ trọng giữa ngành nghề xây dựng và ngành sản xuất vật liệu xây dựng.
* Đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra.

**9- Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

* Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt. Xây dựng tập thể công nhân kỹ thuật có tay nghề cao có tác phong sản xuất công nghiệp đáp ứng yêu cầu của công nghệ trình độ tiên tiến, hiện đại.
* Thực hiện thi công đảm bảo đúng thiết kế, đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo an toàn lao động tại các công trình do Công ty thi công.
* Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tích luỹ vốn.
* Nghiên cứu thị trường, tăng cường công tác tiếp thị tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng khu vực Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hoà Bình và các vùng lân cận nhằm đảm bảo nâng cao sản lượng, đẩy mạnh doanh thu, tối đa hiệu quả kinh doanh, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
* Tổ chức, sắp xếp lực lượng, máy móc thiết bị để triển khai công tác thi công xây xắp tại công trình đường Quốc lộ 51, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, Nhà biệt thự song lập do Công ty CP Tập đoàn Nam Cường làm chủ đầu tư, Trường Đại học Tài nguyên môi trường... theo đúng mục tiêu tiến độ đã đề ra.
* Tăng cường thị phần xây dựng dân dụng để trong thời gian tới Công ty có thể nhận thầu hoặc đảm nhận thi công các công trình nhà cao tầng để phát triển thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty, phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội.
* Tiếp tục cùng Chủ đầu tư, nhà thầu chính để xin đảm nhận thi công thầu phụ dự án cải tạo nâng cấp đường Quốc lộ 3, Quốc lộ 6…
* Triển khai thực hiện thực hiện đầu tư máy móc thiết bị để cải tiến và nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công đảm bảo hiện đại, cho năng suất cao và luôn đáp ứng được yêu cầu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
* Nghiên cứu, đầu tư dự án bất động sản khu vực tỉnh Hoà Bình; Đầu tư mỏ đá tại khu vực Lương Sơn – Hoà Bình,… tạo thêm việc làm và sự phát triển bền vững, lâu dài cho Công ty.
* Quản lý điều hành Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2000; Tổ chức thực hiện triệt để các quy định, quy chế và phân cấp quản lý của Công ty ban hành.

## PHẦN V- BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.

Các báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được lập đầy đủ theo quy định của Pháp lệnh về Kế toán - Thống kê, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Luật chứng khoán. Công ty Kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 và soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty.

**Các đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm 2012:**

1. **Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

+ **Địa chỉ:** Số 3 ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.

+ Kiểm toán viên thực hiện: Lê Văn Dò, chứng chỉ KTV số 0231/KTV

+ Nội dung: Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 và Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán độc lập**:

Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà đã:

1. Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
2. Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012 *(Trang sau)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÀI SẢN** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** ***(31.12.2012)*** | **Số đầu năm** ***(01.01.2011)*** |
| 1. **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** |  | **143.881.527.561** | **112.144.793.951** |
| 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | V.01 | **20.616.063.892** | **4.175.832.443** |
| 1. Tiền | 111 |  | 20.616.063.892 | 4.175.832.443 |
| 1. **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** |  |  |  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 |  |  |  |
| 1. **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** |  | **65.977.233.953** | **68.286.867.980** |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.01 | 62.865.462.487 | 63.687.348.508 |
| 1. Trả trước cho người bán | 132 | V.03 | 2.147.347.666 | 3.815.227.329 |
| 1. Các khoản phải thu khác | 135 | V.04 | 943.641.295 | 1.033.509.638 |
| 1. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (\*) | 139 | V.05 | (249.217.495) | (249.217.495) |
| 1. **Hàng tồn kho** | **140** |  | **49.278.041.810** | **34.145.025.364** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.06 | 49.278.041.810 | 34.145.025.364 |
| 1. **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** |  | **8.010.187.906** | **5.537.068.164** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |  |  |  |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 |  | 3.779.046.001 | 3.241.200.179 |
| 1. Thuế và các khoản khác phải thu NN | 154 |  |  |  |
| 1. Tài sản ngắn hạn khác | 158 |  | 4.231.141.905 | 2.295.867.985 |
| 1. **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** |  | **36.172.845.528** | **37.629.754.635** |
| 1. **Tài sản cố định** | **220** |  | **25.717.977.063** | **31.385.495.850** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 24.291.030.063 | 27.450.170.144 |
| * *Nguyên giá* | 222 |  | *56.728.070.367* | *55.918.862.285* |
| * *Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | 223 |  | *(32.437.040.304)* | *(28.468.692.141)* |
| 1. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 |  |  |  |
| * *Nguyên giá* | 225 |  |  |  |
| * *Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | 226 |  |  |  |
| 1. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.08 | 1.426.947.000 | 2.140.779.000 |
| * *Nguyên giá* | 228 |  | 3.569.219.141 | 3.569.219.141 |
| * *Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | 229 |  | *(2.142.272.141)* | *(1.428.692.141)* |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.09 |  | 2.244.546.706 |
| 1. **Bất động sản đầu tư** | **240** |  |  |  |
| 1. **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** |  | **770.020.020** | **1.300.020.020** |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 |  |  |  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 |  |  |  |
| 1. Đầu tư dàu hạn khác | 258 | V.10 | 1.300.020.020 | 1.300.020.020 |
| 1. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐTDH |  |  | (530.000.000) |  |
| 1. **Tài sản dài hạn khác** | **260** |  | **9.684.848.445** | **4.494.238.783** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.01 | 9.532.107.057 | 4.376.187.039 |
| 1. Tài sản dài hạn khác | 268 |  | 152.741.388 | 118.051.744 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** |  | **180.054.373.089** | **149.774.548.604** |
| **NGUỒN VỐN** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm (31.12.2012)** | **Số đầu năm** ***(01.01.2011)*** |
| 1. **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  | **112.657.703.053** | **81.209.360.027** |
| 1. **Nợ ngắn hạn** | **310** |  | **109.366.361.996** | **76.745.222.100** |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.12 | 40.927.753.891 | 17.652.918.414 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | V.13 | 19.668.507.605 | 23.680.441.195 |
| 1. Người mua trả tiền trước | 313 | V.14 | 19.211.162.060 | 18.009.364.823 |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.15 | 4.701.259.587 | 5.155.572.641 |
| 1. Phải trả người lao động | 315 |  | 5.116.361.022 | 5.812.460.731 |
| 1. Chi phí phải trả | 316 | V.16 | 819.579.947 | 611.521.825 |
| 1. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 18.277.443.818 | 5.725.585.389 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 321 |  | 644.294.066 | 97.357.082 |
| 1. **Nợ dài hạn** | **330** |  | **3.291.341.057** | **4.464.137.927** |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.18 | 3.291.341.057 | 3.879.341.057 |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  |  | 584.796.870 |
| 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU | **400** |  | **67.396.670.036** | **68.565.188.577** |
| 1. **Vốn chủ sở hữu** | **410** | V.19 | **67.396.670.036** | **68.565.188.577** |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |  | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| 1. Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | 6.849.090.909 | 6.849.090.909 |
| 1. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |  | 4.785.052.853 | 4.785.052.853 |
| 1. Quỹ đầu tư phát triển | 417 |  | 498.118.492 |  |
| 1. Quỹ dự phòng tài chính | 418 |  | 1.912.184.702 | 1.414.066.210 |
| 1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | 8.352.223.080 | 10.516.978.605 |
| 1. **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  |  |  |
| **TỔNG NGUỒN VỐN** | **440** |  | **180.054.373.089** | **149.774.548.604** |

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

*Đơn vị: VND*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | Mã số | Thuyết minh | **Năm 2012** | **Năm 2011** |
| 1. Doanh thu bán hàng | **01** | VI.20 | **148.747.274.949** | **150.419.932.789** |
| 1. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.21 |  | 3.301.340 |
| 1. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp DV | **10** | VI.22 | **148.747.274.949** | **150.416.631.449** |
| 1. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.23 | 118.574.330.038 | 120.480.320.154 |
| 1. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp DV | **20** |  | **30.172.944.911** | **29.936.311.295** |
| 1. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.24 | 956.159.953 | 1.308.490.355 |
| 1. Chi phí tài chính | 22 | VI.25 | 8.480.965.950 | 3.955.494.114 |
| * *Trong đó chi phí lãi vay* | *23* |  | *7.950.965.950* | *3.955.495.114* |
| 1. Chi phí bán hàng | 24 |  | 5.811.474.037 | 3.579.544.051 |
| 1. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |  | 8.535.706.922 | 10.3367.324.873 |
| 1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | **30** |  | **8.300.957.955** | **13.372.437.612** |
| 1. Thu nhập khác | 31 |  | 1.202.189.031 |  |
| 1. Chi phí khác | 32 |  | 257.427.661 | 72.958.365 |
| 1. Lợi nhuận khác | **40** |  | **944.761.370** | **(72.958.365)** |
| 1. Tổng LN kế toán trước thuế | **50** |  | **9.245.719.325** | **13.299.479.247** |
| 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.26 | 1.618.000.882 | 3.337.109.404 |
| 1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  |  |  |
| 1. **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **60** |  | **7.627.718.443** | **9.962.369.843** |
| 1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | **70** | V.27 | **1.695** | **2.214** |

**VI- Các công ty có liên quan:** (Danh sách góp vốn của các Công ty liên quan)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên Công ty** | **Giá trị vốn góp 31/12/2012 (VNĐ)** | **Tỷ lệ %/VĐL** |
| 1 | Công ty CP Sông Đà 2 | 22.967.000.000 | 51,0% |
|  | **Cộng:** | **22.967.000.000** |  |

**3- Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan** (Danh sách các Công ty có vốn góp của Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên Công ty** | **Giá trị đầu tư tại 31/12/2012 (VNĐ)** |
| 1 | Công ty CP Sông Đà 2 | 20.020 |
| 2 | Công ty CP PT đô thị và KCN Sông Đà 7 | 300.000.000 |
| 3 | Công ty CP Dầu khí Nhơn Trạch II | 1.000.000.000 |
|  | **Cộng:** | **1.300.020.020** |

**VII- Tổ chức và nhân sự:**

**1- Cơ cấu tổ chức của Công ty CP Sông Đà:** (Thời điểm ngày 31/3/2013)

* Hội đồng quản trị Công ty : 05 thành viên.
* Ban kiểm soát Công ty : 03 thành viên.
* Ban lãnh đạo Công ty : 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc
* 04 Phòng nghiệp vụ Công ty:

+ Phòng Tổ chức - Hành chính;

+ Phòng Quản lý Kỹ thuật;

+ Phòng Kinh tế - Kế hoạch;

+ Phòng Tài chính Kế toán.

* 04 Chi nhánh trực thuộc:

+ Chi nhánh Trung Mầu;

+ Chi nhánh Hà Nội;

+ Chi nhánh Biên Hoà;

+ Chi nhánh Sông Lô.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ**

**§¹I héI ®ång**

**cæ ®«ng**

Ban kiÓm so¸t

Héi ®ång qu¶n trÞ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó TGĐ phụ trách

Kỹ thuật – Thi công

Chi nhánh

Biên Hoà

Chi nhánh

Hà Nội

Phòng Tổ chức Hành chính

Phó TGĐ phụ trách sản suất công nghiệp

Phó TGĐ phụ trách Kinh tế

Phó TGĐ phụ trách Kế hoạch - ATLĐ

Phòng QLKT

Phòng Kinh tế Kế hoạch

Phòng Tài chính Kế toán

Chi nhánh

Sông Lô

Chi nhánh

Trung Mầu

**2- Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành.**

* 1. **Ông: Hoàng Văn Hoan – Tổng Giám đốc Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 113445503; ngày cấp 12/3/2008; nơi cấp: CA Hoà Bình

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1957

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ thường trú: Số 30 tổ 60 Tập thể thương binh 27-7 phường Yên Hoà – quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 048 588 7906

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xây dựng.

Quá trình công tác :

|  |  |
| --- | --- |
| * T9/1981 - 5/1984 | : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Thuỷ Công 1 – Công ty Xây dựng Thuỷ Công - Tổng Công ty Xây dựng Thuỷ điện Sông Đà; |
| * T5/1984 - 4/1987 | : Đội trưởng Xí nghiệp Thuỷ Công 4 – Công ty Xây dựng Thuỷ Công - Tổng Công ty Xây dựng Thuỷ điện Sông Đà; |
| * T4/1987 - 01/1990 | : Trưởng ban Tổ chức Xí nghiệp Thuỷ Công 3 – Công ty Xây dựng Thuỷ Công - Tổng Công ty xây dựng thuỷ điện Sông Đà; |
| * T1/1990 - 6/1995 | : Trưởng phòng kế hoạch Xí nghiệp chợ Đông Hà; |
| * T6/1995 - 10/1998 | : Đội trưởng Công ty Xây dựng Sông Đà 6 – Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà; |
| * T10/1998 - 10/2007 | : Đội trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2; |
| * T10/2007 - 4/2008 | : PGĐ Chi nhánh 205 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2; |
| * T4/2008 - 4/2009 | : Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà. |
| * T5/2009 đến nay | : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP công trình giao thông Sông Đà. |

* 1. **Ông: Nguyễn Đức Tiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty**

Giới tính : Nam

Số CMND : 111034618, do công an Hà Tây cấp ngày 06/12/2006

Ngày sinh : 01/4/1953

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xuân Thành – Xuân Trường – Nam Định

Địa chỉ thường trú : Ngõ 5 - Ao Sen - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 0463280816; DĐ 0912290435

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đô thị

Quá trình công tác:

* T12/1972 - T11/1975 : Bộ đội
* 1976 - 1981 : Sinh viên Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội
* T4/1982 - T10/1983 : Kỹ thuật thi công - Công ty thi công Cơ giới - TCT XD Sông Đà;
* T10/1983 - T12/1995 : Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật - Công ty Thi công cơ giới - TCT XD Sông Đà;
* T01/1996 - T11/1996 : Nhân viên phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Sông Đà 2 - TCT Sông Đà;
* T11/1996 - T4/2003 : Trưởng Ban Kinh tế Kỹ thuật - Xí nghiệp Xây dựng cầu đường 205 - Công ty Sông Đà 2;
* T5/2003 - T3/2004 : Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Xí nghiệp Sông Đà 2.01 - Công ty Sông Đà 2;
* T4/2004 – T12/2009 : Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà;
* T01/2010 đến nay : Phó TGĐ Cty CP công trình giao thông Sông Đà
  1. **Ông: Hà Văn Định – Phó Tổng** **Giám đốc Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 135440922; ngày cấp: 20/3/2006; nơi cấp: Công an Vĩnh Phúc.

Ngày tháng năm sinh: 10 tháng 4 năm 1955

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Như Thuỵ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ thưởng trú: phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211 3832154

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng.

Quá trình công tác:

* 1974 – 1976 : Bộ đội
* 1976 – 1981 : Sinh viên trường Đại học Xây dựng;
* 1982 – 1994 : Giáo viên Trường Công nhân kỹ thuật Việt Xô - Vĩnh Phú;
* 1995 – 1997 : Trưởng phòng Cơ giới XN đá Tân Trung - Liên hiệp Đá Cát Sỏi;
* 1997 – 2000 : Giám đốc XN đá Tân Trung - Cty Sông Đà 14 - TCT Sông Đà;
* 2001 – 2003 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 2.01-Công ty Sông Đà 2
* 2004 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà;
* 2007 đến T2/2011: PGĐ Công ty kiêm Giám đốc CN Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà;
* Tháng 3/2011 đến nay: Phó TGĐ Công ty
  1. **Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng** **Giám đốc Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 112435412; ngày cấp 27/3/2007 ; nơi cấp: Công an Hà Tây

Ngày tháng năm sinh: 23 tháng 12 năm 1960

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, TP Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Khu tập thể công an Đa Sỹ, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 8547008

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu Ngầm

Quá trình công tác:

* 1970 – 1977 : Đi bộ đội.
* 1978 – 1984 : Bộ đội
* 1984 – 1989 : học Đại học;
* 1989 – 1993 : Nhân viên kỹ thuật Phòng thi công - TCT XD Sông Đà;
* 1993 – 1995 : Đội trưởng - Chi nhánh Công ty Sông Đà 10 tại Vĩnh Phú;
* 1995 – 2000 : Phó Giám đốc Chi nhánh - Công ty Sông Đà 14 tại Hà Nội;
* 2000 – 2004 : Phó Giám đốc Xí nghiệp 203 - Công ty Sông Đà 2;
* 2005 đến nay : Phó Giám đốc Cty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà;
* T5/2009 –T6/2010: Phó TGĐ Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.
* T7/2010 – nay  : Phó Tổng giám đốc Công ty.
  1. **Ông: Lê Văn Mạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 141822963 do Cng an Hải Dương cấp ngày 04/05/2010.

Ngày tháng năm sinh: 11 tháng 7 năm 1977.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ thường trú: xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại liên lạc: 0912379652

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

* Từ T5/2001 - T4/2003: Cán bộ kỹ thuật Ban kĩ thuật xí nghiệp Sông Đà 205 - Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
* Từ T5/2003 - T4/2004: Phó Ban kĩ thuật xí nghiệp Sông Đà 205 - Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà;
* Từ T5/2004 - T6/2012: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật - Công ty CP công trình giao thông Sông Đà - Tổng công ty Sông Đà;
* Từ tháng 6/2012 – nay: Phó TGĐ Công ty CP Công trình Giao thông Sông Đà.
  1. **Ông : Ngô Văn Nghĩa – Kế toán trưởng Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 135399699; ngày cấp: 05/12/2006; nơi cấp: CA Vĩnh Phúc

Ngày tháng năm sinh : 30 tháng 5 năm 1973

Nơi sinh : Xã Thái Bảo - Gia Bình - Bắc Ninh.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Thái Bảo - Gia Bình - Bắc Ninh.

Địa chỉ thường trú : phường Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP Hà Nội.

Số điện thoại cơ quan : 046 3280816

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

* T9/1993 – T5/1995 : Kế toán - Chi nhánh công ty Xây dựng công trình ngầm - Tổng Công ty Xây dựng Thuỷ điện Sông Đà;
* T6/1995 – T6/1997 : Kế toán - Chi nhánh công ty Xây dựng công trình ngầm tại Vĩnh Phúc - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà;
* T6/1997 – T5/1998 : Kế toán - Công ty Sông Đà 14
* T6/1998 – T12/1999 : Trưởng ban Kế toán - Xí nghiệp Sông Đà 14.2 - Công ty Sông Đà 14;
* T1/2000 – T3/2004 : Trưởng ban Kế toán - Xí nghiệp Sông Đà 2.01 - Công ty Sông Đà 2;
* T4/2004 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà.

1. **Thay đổi Ban Tổng Giám đốc điều hành:**

+ Tháng 5/2012 ông Vũ Văn Hải thôi giữ chức Phó TGĐ do chuyển công tác.

+ Tháng 6/2012 Công ty đã bầu bổ sung ông Lê Văn Mạnh - KS xây dựng giữ chức Phó TGĐ kể từ ngày 10/6/2012.

1. **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:**

Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc:

* Theo qui định thang lương doanh nghiệp hạng I – Doanh nghiệp Nhà nước
* Tổng Giám đốc được quyết toán và hưởng mức lương khoán theo Hợp đồng Hội đồng quản trị ký kết thuê Giám đốc điều hành năm 2009 và phụ lục hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành hàng năm.
* Đối với các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc trả tiền lương thời gian theo bậc lương đóng bảo hiểm, ngoài ra còn được hưởng lương năng suất theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được và Quy chế trả lương của Công ty.

1. **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

* Tổng số CBCNV có mặt đến 31/12/2012: 460 người.
* Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV áp dụng theo thang bảng lương doanh nghiệp Nhà nước, hàng năm đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh & xã hội Hà Nội. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
* Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV.
* Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
* Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, tin học và tay nghề cho cán bộ công nhân viên Công ty.
* Tổ chức thi nâng bậc cho CNV định kỳ và theo nhu cầu sử dụng của đơn vị.

1. **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

* **Thay đổi Chủ tịch HĐQT và uỷ viên HĐQT**:

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người, năm 2012 không có gì thay đổi.

* **Thay đổi Ban kiểm soát:** Gồm 03 người. Trong năm 2012 không có sự thay đổi gì.

**IX-** **Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

**1- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

**1.1- Hội đồng Quản trị:** Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng Quản trị của Công ty gồm có 5 thành viên trong đó có 03 thành viên không điều hành, nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị và của mỗi thành viên là 5 năm, nhiệm kỳ II (2009-2014).

**1.1.1- Lê Văn Giang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty**

Giới tính : Nam.

Ngày, tháng, năm sinh: 13/12/1959.

Nơi sinh : Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên.

Quốc tịch : Việt Nam.

Số CMND : 110020255 cấp ngày 18/12/2007 tại Công an Hà Tây.

Dân tộc : Kinh.

Quê quán : Đông Ninh – Khoái Châu – Hưng Yên.

Địa chỉ thường trú: Ngõ 162 – Nguyễn Tuân – Thanh Xuân - Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (123)

Trình độ văn hoá : 10/10.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Kỹ sư Kinh tế Xây dựng.

Quá trình công tác:

* Từ 1980 – 1990 : Cán bộ định mức, đơn giá; Cán bộ tổ chức Phòng Tổ chức lao động Tổng công ty Sông Đà ;
* Từ 1991 – 1994 : Phó Trưởng phòng; Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty Kinh doanh vật tư thiết bị Sông Đà.
* Từ 1994 – 1996 : Phó giám đốc kỹ thuật, Giám đốc Xí nghiệp xây lắp và chế biến gỗ - Công ty Sông Đà 12.
* Từ 1996 – 2001 : Giám đốc Chi nhánh Công ty Sông Đà 12 tại Hoà Bình.
* Từ 2001 – 2003 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 12 kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án thép Vịêt Ý.
* Từ 2003 – 2005 : Phó Giám đốc thường trực, Phó bí thư Đảng uỷ Công ty Sông Đà 12.
* Từ 2005 – 2006 : Uỷ viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Bất động sản Sông Đà.
* Từ tháng 9/2006 – 10/2008 : Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng nghề Sông Đà.
* Từ tháng 11/2008 đến nay : Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
* Từ tháng 5/2009 đến nay  : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà.

**1.1.2- Ông: Hoàng Văn Hoan – Thành viên HĐQT, Tổng** **Giám đốc** *(nêu trên)*

**1.1.3- Ông: Nguyễn Văn Sinh – Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/01/1959

Nơi sinh : Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

CMND số : 112115836 do Công an Hà Tây cấp ngày 27/8/2004

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú : P. Thanh Xuân Nam – Quận Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc : 0913014583

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn :Tiến sỹ Kinh tế, kỹ sư XD cầu đường

Quá trình công tác:

* T 02/1982 -:- 10/1988 : Cán bộ kỹ thuật, Trưởng ca kỹ thuật thi công tại Công ty Thi công Cơ giới – TCT XD Thuỷ điện Sông Đà;
* T10/1988 -:- 4/1990 : Phó Liên đội trưởng Liên đội xúc điện của Công ty Thi công Cơ giới - Tổng Công ty XD Thuỷ điện Sông Đà;
* T 4/1990 -:- 11/1993 : là Phó giám đốc Xí nghiệp 1 của Công ty Thi công Cơ giới – Tổng Công ty Thuỷ điện Sông Đà;
* T 11/1993 -:- 12/1995 : Theo học Lớp đào tạo nguồn Giám đốc của Bộ XD và học Cao học kinh tế tại trường Đại học XD Hà Nội;
* T 01/1996 -:- 11/1996 : Giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật của Công ty XD Sông Đà 2 – Tổng Công ty Sông Đà;
* T 11/1996 -:- 8/1998 : Giữ chức vụ Giám đốc XN XD Cầu đường Sông Đà 205 - Công ty Sông Đà 2 – Tổng Công ty Sông Đà;
* T 8/1998 -:- 2/2006 : Giữ chức Phó giám đốc Công ty Sông Đà 2 – Tổng Công ty Sông Đà;
* T 3/2006 -:- 7/2006 : Tổng giám đốc, phó Bí thư Đảng uỷ, Công ty Cổ phần Sông Đà 2;
* T /2006 -:- 4/2009 : Chủ tịch HĐQT Cty CP công trình giao thông Sông Đà.
* T 8/2006 -:- 10/2008 : Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2;
* Tháng 10/2008 đến nay : Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Sông Đà.
* Tháng 4/2009 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty CP công trình giao thông Sông Đà.

**1.1.4- Ông: Nguyễn Xuân Cương – Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013178379; ngày cấp 10/4/2009; nơi cấp: Công an Hà Nội

Ngày tháng năm sinh : 26 tháng 4 năm 1955

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đại Áng – Thanh Trì – Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Ngõ 454 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 046.3280816

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác:

* 1971 - 1978 : Công tác tại Sở Xây dựng Hà Tây;
* 1978 - 1981 : Đào tạo tại trường Trung học Xây dựng Hà Đông;
* 1981 - 1989 : Công tác tại phòng Kế hoạch Tổng công ty Sông Đà; học Đại học tại chức tại trường Đại học Xây dựng (từ 1982 đến 1989)
* 1989 - 1994 : Trưởng ban Kế hoạch - Xí nghiệp 3 - Công ty Thi công Cơ giới - Tổng công ty XD Sông Đà;
* 1994 - 1996 : Giám đốc Xí nghiệp 3 - Công ty Thi công Cơ giới - Tổng công ty XD Sông Đà;
* 1996 - 1997 : Phó Trưởng phòng KTKH - Công ty Sông Đà 2 - Tổng công ty Sông Đà;
* 1997 - 2000 : Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty Sông Đà 14;
* 2000 - 2004 : Giám đốc Xí nghiệp 2.01 - Công ty Sông Đà 2;
* 2004 – 2009 : Bí thư Đảng bộ bộ phận, Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà;
* T5/2009 - 2010 : Bí thư Đảng uỷ bộ phận ,Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần CTGT Sông Đà;
* Năm 2010 đến nay : Phó bí thư Đảng bộ bộp phận, Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty.

**1.1.5- Ông: Nguyễn Quốc Doanh – Thành viên HĐQT**

Giới tính (nam, nữ) : Nam

Số CMND : 013070239, do công an Hà Nội cấp ngày 10/5/2008

Ngày sinh : 17/10/1959

Nơi sinh : Xã Tri Thuỷ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Tri Thuỷ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : P313, K1 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0983351168

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

* 1982 – 1983 : Công tác tại Xí nghiệp Bê tông nghiền sàng - Tổng công ty XD thuỷ điện Sông Đà.
* 09/1983 – 10/1984 : Phó quản đốc phân xưởng bê tông đúc sẵn – Xí nghiệp BTNS - Tổng công ty XD thuỷ điện Sông Đà.
* 11/1984 - 09/1985 : Trưởng ban vật tư – Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn – Công ty XD Dân dụng - Tổng Công ty XD thuỷ điện Sông Đà.
* 10/1985 - 07/1988 : Cán bộ phòng Vật tư cơ giới – Công ty XD Dân dụng - Tổng công ty XD thuỷ điện Sông Đà.
* 08/1988 - 12/1995 : Phó phòng Vật tư – hành chính Công ty XD Sông Đà 2 - Tổng công ty XD Sông Đà.
* 01/1996 - 11/1997 : Cán bộ Phòng Kinh tế - kế hoạch Công ty XD Sông Đà 2 - Tổng công ty XD Sông Đà.
* 12/1997 - 01/2003 : Cán bộ phụ trách Kinh tế - Kế hoạch Ban điều hành dự án ADB2-N4.
* 02/2003 - 10/2005 : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 2.
* 11/2005 - 02/2006 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Sông Đà 2.
* 03/2006 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2
* 05/2009 đến nay : Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà

**1.2- Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, các báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và của mỗi thành viên là 5 năm, nhiệm kỳ II năm 2009-2014.

**1.2.1- Ông: Trần Văn Trường - Trưởng Ban kiểm soát Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 040245229; ngày cấp: 08/08/1997; nơi cấp: CA Lai Châu

Ngày tháng năm sinh : Ngày 27 tháng 07 năm 1975

Nơi sinh : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.

Địa chỉ thường trú : Phòng 802 - Nhà CT7B khu đô thị Văn Quán – Thành phố Hà Đông, Hà Nội.

Số điện thoại cơ quan  : 042 910497

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

* 1996 – 1999 : Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
* 2000 – 2001 : Chuyên viên Phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
* 2001 – 2002 : Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
* 2002 – 2003  : Trưởng Ban tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02 - Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
* 2003 – 2004  : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
* 2004 – 2006 : Trưởng phòng Tài chính kế toán Ban điều hành dự án Thuỷ điện Sê San 4 - Tổng công ty Sông Đà.
* 2006 - 2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2,
* Từ 2006 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP công trình giao thông Sông Đà
* Từ T4/2011 đến nay: Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 2.

**1.2.2- Ông: Nguyễn Đình Thảo – Thành viên Ban kiểm soát Công ty.**

Giới tính : Nam

Số CMND : 131641059 do công an Vĩnh Phúc cấp ngày 10/9/1996.

Ngày sinh : 20/4/1959

Nơi sinh : Văn Quán – Lập Thạch – Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Văn Quán – Lập Thạch – Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Lập Thạch – Vĩnh Phúc

Điện thoại liên lạc : 0912561725

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Luật

Quá trình công tác:

* 1978 – 1985 : Bộ đội - Quân khu II;
* 1986 – 1987 : Công nhân - Xí nghiệp đá Tân Trung;
* 1988 – 1993 : Đội trưởng đội khoan, nổ mìn - Xí nghiệp đá Tân Trung;
* 1994 – 1997 : Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - XN đá Tân Trung;
* 1998 – 2000 : Trưởng ban Tổ chức Hành chính - Xí nghiệp đá Tân Trung;
* 2001 – 2002 : Tổ trưởng tổ Tổng hợp - Xí nghiệp Sông Đà 2.01;
* 2002 – 2003 : Trưởng ban Tổ chức Hành chính - XN Sông Đà 2.01;
* 2004 đến nay :Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty CP Công trình Giao thông Sông Đà ; Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

**1.2.4- Ông: Lê Thế Văn – Thành viên Ban kiểm soát Công ty**

Ngày sinh : 05/9/1980

Nơi sinh : Hoằng Phong - Hoằng Hoá - Thanh Hoá

Giới tính (nam, nữ) : Nam

Số CMND : 172050251 do công an Thanh Hoá cấp ngày 07/3/1998

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hoằng Phong - Hoằng Hoá - Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú : Hoằng Phong - Hoằng Hoá - Thanh Hoá

Điện thoại liên lạc : 0972782008

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thuỷ lợi

Quá trình công tác:

* 2004 - 2005 : Nhân viên Phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Sông Đà 2;
* 2005 - 2006 : Kỹ thuật thi công đội công trình số 2 - Công ty Sông Đà 2;
* 2006 - 2007 : Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch - BĐH dự án thuỷ điện Nậm Chiến - Tổng công ty Sông Đà;
* 2007 - 2009 : Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch - BĐH dự án thuỷ điện Tuyên Quang - Tổng công ty Sông Đà;
* T1/2010-T4/2010 : Phó trưởng phòng Kinh tế kế hoạch – Công ty CP công trình giao thông Sông Đà ;
* T4/2010 đến nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà;
* T5/2010 - T9/2011 : Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP công trình giao thông Sông Đà.
* T10/2011 đến nay : Giám đốc CN Hà Nội - Công ty CP công trình giao thông Sông Đà.

**1.3- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:** Theo kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cụ thể:

- Năm 2012 quyết toán : 554.400.000 đồng;

- Năm 2013 dự kiến chi trả là : 576.000.000 đồng;

**1.4- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Cổ đông | **Số cổ phần nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** | **Ghi chú** |
| **I**  1  **II** | **Cổ đông sáng lập**  **Công ty CP Sông Đà 2,** đại diện:  - Ông Lê Văn Giang  - Ông Nguyễn Quốc Doanh  - Ông Trần Văn Trường  **Các Cổ đông khác** | **2.296.700**  **2.296.700**  2.196.700  50.000  50.000  **2.203.200** | **51,0%**  **51,0%**  48,8%  1,1%  1,1%  **49,0%** | Chủ tịch HĐQT  Uỷ viên HĐQT  Trưởng BKS |
|  | **Tổng cộng** | **4.500.000** | **100%** |  |

**2- Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn** *(Tính đến ngày 23/2/2013)*

***2.1- Cổ đông góp vốn trong nước:***

- Tổng số cổ đông: 757; Trong đó: Cá nhân: 731; Tổ chức: 26

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sè TT | Cổ đông | **Số cổ phần nắm gi÷** | **Tỷ lệ**  **nắm giữ** | **Ghi chú** |
| 1 | Công ty cổ phần Sông Đà 2 | 2.296.700 | 51,0% |  |

***2.2- Cổ đông nước ngoài:***

- Tổng số cổ đông : 08; Trong đó: Cá nhân: 06; Tổ chức : 02

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: Không có cổ đông lớn.

**T/M Héi ®ång qu¶n trÞ c«ng ty**

**Nơi nhận:** Chñ tÞch

*- UBCK Nhà nước*

*- Sở GDCK Hà Nội;*

*- HĐQT Công ty;*

*- Ban kiểm soát;*

*- Ban Tổng giám đốc*

*- Website Công ty;*

*- Lưu TCKT,TCHC.*

**Lê Văn Giang**